TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-ST
Ngày: 22-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST – DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: đường M, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (vắng mặt).

Ông Đ ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Mai X- chức vụ: Giám đốc Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (vắng mặt).

Ông X ủy quyền tham gia tố tụng lại cho:

- Bà Nguyễn T- Chức vụ Giám đốc Khách hàng- Phòng quản lý khách hàng Không tài sản bảo đảm- Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản (vắng mặt).

- Bà Lê L- Chuyên viên quản lý khách hàng Ngân hàng T (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quang H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: đường G, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, Ngân hàng T (và ông Trần Quang H ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp bằng lương số 71/2018/HĐTD/PVB (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với nội dung: Ngân hàng T cho ông H vay số tiền 200.000.000đ; thời hạn vay là 60 tháng; mục đích sử dụng: Tiêu dùng; lãi suất trong hạn được ghi cụ thể trong khế ước nhận nợ: Từ ngày 25-5-2018 đến ngày 24-8-2018, lãi suất là 11,7%/năm, từ ngày 25-8-2018, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng Lãi suất tham chiếu+ 3,2%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm; phương thức trả nợ: kỳ hạn trả nợ gốc, lãi mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng T đã giải ngân số tiền 200.000.000đ cho ông H bằng hình thức chuyển khoản.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, Ngân hàng T cấp cho ông H thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Pvcombank Mastercard, theo đó ông H được cấp thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000đ; thời hạn vay 36 tháng; mục đích sử dụng vay vốn để tiêu dùng; lãi suất 24%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp bằng lương số 71/2018/HĐTD/PVB ngày 25-5-2018 (tính đến ngày 22-9-2022), ông H đã trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 60. 426.351 đồng, trong đó nợ gốc là 40.046.039 đồng; nợ lãi là 20.380.312 đồng. Như vậy, ông H còn phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền 242.690.860 đồng, trong đó nợ gốc là 159.953.961 đồng; nợ lãi là 82.736.899 đồng.

- Đối với Hợp đồng phát hành thẻ ngày 30-5-2018 (tính đến ngày 22-9-2022): Ông H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền 70.035.014 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 14.096.274 đồng; tiền nợ lãi là 21.127.032 đồng và các loại phí liên quan đến thẻ là 34.811.708 đồng

Do ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng T đã nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán tiền gốc và lãi chưa thanh toán nhưng đến nay ông H vẫn không thực hiện. Do vậy, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ tổng 02 khoản vay trên (tính đến hết ngày 22-9-2022) là 312.725.874 đồng. Và yêu cầu ông H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn ông Trần Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng đặt tín dụng đã ký nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp bằng lương số 71/2018/HĐTD/PVB ngày 25-5-2018 thấy rằng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng và đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn ông Trần Quang H cư trú tại địa chỉ: đường G, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ trên nhưng bị đơn không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

[2.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Hợp đồng tín dụng ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa Ngân hàng T và ông Trần Quang H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.3] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông H vay của Ngân hàng T số tiền 200.000.000đ, được giải ngân vào ngày 25-5-2018, quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thanh toán không đúng hạn, thanh toán không đầy đủ tiền vay. Tính đến ngày 22-9-2022, ông H đã trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 60. 426.351 đồng, trong đó nợ gốc là 40.046.039 đồng; nợ lãi là 20.380.312 đồng, ông H còn nợ Ngân hàng T số tiền 242.690.860 đồng trong đó nợ gốc là 159.953.961 đồng; nợ lãi là 82.736.899 đồng.

[2.4] Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn thiếu nói trên và lãi phát sinh kể từ ngày 23-9-2022 cho đến khi ông H hoàn tất khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]]Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo Hợp đồng phát hành thẻ ngày 30-5-2018 thấy rằng:

[2.6] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Hợp đồng phát hành thẻ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa Ngân hàng T và ông Trần Quang H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.7] Căn cứ vào Hợp đồng phát hành thẻ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Ngân hàng T đã cấp thẻ tín dụng Quốc tết Pvcombank Mastercard cho ông H số 3005181049078/TTD/PVB, hạn mức 20.000.000 đồng. Tính đến ngày 22-9-2022, ông H còn nợ Ngân hàng T số tiền 70.035.014 đồng, trong đó tiền gốc là 14.096.274 đồng; tiền lãi là 21.127.032 đồng; các loại phí liên quan đến thẻ là 34.811.708 đồng.

[2.8] Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn thiếu nói trên và lãi phát sinh kể từ ngày 23-9-2022 cho đến khi ông H hoàn tất khoản nợ theo hợp đồng phát hành thẻ đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.9] Tổng số tiền ông H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng là 312.725.874 đồng.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của Ngân hàng T được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn ông Trần Quang H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Trần Quang H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 312.725.874đ (ba trăm mười hai triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó:

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp bằng lương số 71/2018/HĐTD/PVB (tính đến ngày 22-9-2022) là 242.690.860đ (hai trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, tám trăm sáu mươi đồng), gồm: tiền nợ gốc là 159.953.961đ (một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm sau mươi mốt đồng) và số tiền nợ lãi là 82.736.899đ (tám mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng).

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng phát hành thẻ ngày 30-5-2018 (tính đến ngày 22-9-2022) là 70.035.014đ (bảy mươi triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười bốn đồng), gồm: tiền nợ gốc là 14.096.274đ (mười sáu triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng); tiền nợ lãi là

21.127.032đ (hai mươi mốt triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi hai đồng) và các loại phí liên quan đến thẻ là là 34.811.708đ (ba mươi bốn triệu, tám trăm mười một nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày 23-9-2022, ông Trần Quang H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi và chi phí phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp bằng lương số 71/2018/HĐTD/PVB ngày 25-5-2018 và Hợp đồng phát hành thẻ ngày 30-5-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quang H phải nộp 15.633.293đ (mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002051 ngày 05-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huê